CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TIEN INDUSTRIES
AN TIEN INDUSTRIES
JOINT STOCK COMPANY

Số: 2808/2026/TB - HII
No.: 2808/2026/TB - HII

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Lào Cai, ngày 28 tháng 08 năm 2026
Lao Cai, August 28, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/** ***State Securities Commission***
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh/ ***The Hochiminh City Stock Exchange***

I. Tên tổ chức/*Name of organization*: Công ty Cổ phần An Tiến Industries

- Mã chứng khoán/ *Stock code*: HII
- Địa chỉ/*Address*: Khu Công nghiệp phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai
- Điện thoại liên hệ/*Tel.*: 0216 3 853 886 – 0216 3 856 555
- E-mail: info@antienindustries.com

II. Nội dung thông tin công bố/*Contents of disclosure*:

- Báo cáo tài chính Riêng giữa niên độ năm 2026 (bản tiếng Việt + bản tiếng Anh);
  Interim Separate financial statements of 2026 (Vietnamese and English versions);
- Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ năm 2026 (bản tiếng Việt + bản tiếng Anh);
  Interim Consolidated financial statements of 2026 (Vietnamese and English versions);
- Giải trình chênh lệch LNST tại BCTC giữa niên độ năm 2026 so với cùng kỳ năm 2025;
  Explanation of the difference in net profit after tax in the interim financial statements of 2026 compared to the same period of 2025.

III. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/08/2026 tại đường dẫn www.antienindustries.com/*This information was published on the company's website on 28/08/2026 (date), as in the link* www.antienindustries.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:
Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/*Documents on disclosed information.*

Đại diện tổ chức
Organization representative
Người được ủy quyền công bố thông tin

Dương Huy Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

Công ty Cổ phần An Tiến Industries

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Shape the future
with confidence

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200465372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

Công ty Cổ phần An Tiến Industries

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200465372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 44

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

Công ty Cổ phần An Tiến Industries

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần An Tiến Industries ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái (hiện nay là Sở Tài chính tỉnh Lào Cai) cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2009 và Giấy Chứng nhận Đầu tư số 7585338884 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2009. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất của Giấy Chứng nhận Đầu tư là lần thứ 6 ngày 24 tháng 3 năm 2022 và của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là lần thứ 18 ngày 13 tháng 8 năm 2025.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và phân phối bột đá $CaCO_3$, hạt nhựa và nhựa phụ gia; bán buôn bán lẻ nguyên vật liệu và các hoạt động khác theo đăng ký.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Kiên	Chủ tịch
Ông Ngô Văn Thụ	Thành viên
Ông Hoàng Văn Vinh	Thành viên

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Ngô Văn Thụ	Tổng Giám đốc

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Diệu Linh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thủy Nga	Thành viên
Bà Đỗ Thảo Quyên	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này là ông Ngô Văn Thụ, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần An Tiến Industries ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 27 tháng 8 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
AN TIEN INDUSTRIES
MSDN: 5200466372

Ngô Văn Thụ

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 12122747/E-69486125-HN/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần An Tiến Industries

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần An Tiến Industries ("Công ty") được lập ngày 27 tháng 8 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 44, bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
A member firm of Ernst & Young Global Limited

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 8 năm 2026

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Nguyễn Hoàng Linh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3835-2026-004-1

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**606.643.027.410**	**489.690.621.668**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	***110***	***4***	***70.504.347.914***	***134.829.130.872***
1. Tiền	111		17.932.347.914	134.829.130.872
2. Các khoản tương đương tiền	112		52.572.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	***120***		***27.768.493.151***	**-**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	5	27.768.493.151	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	***130***		***290.865.414.500***	***172.951.128.745***
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.1	276.327.681.072	166.216.569.429
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6.2	15.746.458.441	8.517.186.291
3. Phải thu ngắn hạn khác	135		932.800.757	358.898.795
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	6.1	(2.141.525.770)	(2.141.525.770)
IV. Hàng tồn kho	***140***	***7***	***169.715.374.317***	***139.656.342.331***
1. Hàng tồn kho	141		170.881.999.613	140.721.821.015
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(1.166.625.296)	(1.065.478.684)
V. Tài sản ngắn hạn khác	***160***		***47.789.397.528***	***42.254.019.720***
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		826.280.236	352.564.615
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162	13	46.963.117.292	41.901.455.105
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**736.693.715.966**	**710.587.316.256**
I. Tài sản cố định	***220***		***212.752.204.955***	***224.243.648.753***
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	201.576.140.924	212.892.454.448
Nguyên giá	222		467.982.118.211	462.601.848.069
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(266.405.977.287)	(249.709.393.621)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	11.176.064.031	11.351.194.305
Nguyên giá	228		16.248.646.836	16.248.646.836
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.072.582.805)	(4.897.452.531)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	***260***	***10***	***512.869.661.214***	***476.767.033.858***
1. Đầu tư vào công ty con	261		440.225.997.450	440.225.997.450
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	262		193.016.300.000	193.016.300.000
3. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264		(120.372.636.236)	(156.475.263.592)
III. Tài sản dài hạn khác	***270***		***11.071.849.797***	***9.576.633.645***
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	11	8.133.821.587	6.638.605.435
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		2.938.028.210	2.938.028.210
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	**280**		**1.343.336.743.376**	**1.200.277.937.924**

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ (Trình bày lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**404.868.777.232**	**309.459.772.675**
I. Nợ ngắn hạn	***310***		***390.252.561.040***	***275.984.097.019***
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12.1	149.151.449.177	82.505.769.462
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12.2	9.177.666.806	13.653.232.853
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		172.273.870	251.724.345
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	13	11.161.683.052	14.368.907.083
5. Phải trả người lao động	315		3.324.356.008	3.369.028.382
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	14	1.912.661.264	3.683.229.822
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	15	1.564.222.014	1.508.324.608
8. Vay ngắn hạn	321	16	207.262.089.634	151.551.012.597
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	17.5	6.526.159.215	5.092.867.867
II. Nợ dài hạn	***330***		***14.616.216.192***	***33.475.675.656***
1. Vay dài hạn	339	16	14.616.216.192	33.475.675.656
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**938.467.966.144**	**890.818.165.249**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	736.630.160.000	736.630.160.000
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*736.630.160.000*	*736.630.160.000*
2. Thặng dư vốn	412		5.942.220.000	5.942.220.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.043.106.930	11.043.106.930
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.564.926.542	1.564.926.542
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		183.287.552.672	135.637.751.777
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*420a*		*108.439.201.621*	*111.353.726.285*
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*	*420b*		*74.848.351.051*	*24.284.025.492*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**1.343.336.743.376**	**1.200.277.937.924**

Phê duyệt, ngày 27 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Nguyễn Thị Thu Nhàn	Nguyễn Thị Thu Nhàn	Ngô Văn Thụ

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18.1	792.664.634.532	469.168.066.535
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	18.1	792.664.634.532	469.168.066.535
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	589.680.562.884	361.054.316.522
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		202.984.071.648	108.113.750.013
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	18.2	12.038.059.297	37.176.215.129
7. Chi phí tài chính	23	20	(29.066.988.885)	50.051.497.361
- Trong đó: Chi phí đi vay	*24*		*6.473.119.938*	*5.833.899.185*
8. Chi phí bán hàng	25	21	139.500.434.196	77.835.522.953
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	13.144.354.943	11.085.382.061
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 22 - (23 + 25 + 26)}	30		91.444.330.691	6.317.562.767
11. Thu nhập khác	31		274.902.566	424.800.332
12. Chi phí khác	32		27.276.292	12.056.776
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		247.626.274	412.743.556
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		91.691.956.965	6.730.306.323
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23.1	16.843.605.914	834.611.847
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		74.848.351.051	5.895.694.476

Phê duyệt, ngày 27 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Nguyễn Thị Thu Nhàn	Nguyễn Thị Thu Nhàn	Ngô Văn Thụ

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**01**		**91.691.956.965**	**6.730.306.323**
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình và hao mòn TSCĐ vô hình	02		18.180.804.848	15.132.836.155
- Các khoản (hoàn nhập dự phòng)/dự phòng	03		(36.001.480.744)	42.460.345.877
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(488.971.837)	(1.147.535.468)
- Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(7.808.698.503)	(28.217.472.092)
- Chi phí đi vay	06	20	6.473.119.938	5.833.899.185
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**		**72.046.730.667**	**40.792.379.980**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(122.126.766.860)	9.894.887.247
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(30.160.178.598)	(5.573.768.169)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		60.906.462.200	10.604.226.613
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(1.968.931.773)	(299.760.968)
- Chi phí đi vay đã trả	14		(5.984.746.896)	(5.304.963.612)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(20.037.355.023)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.666.354.008)	(1.623.860.520)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(50.991.140.291)**	**48.489.140.571**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.194.961.602)	(13.908.047.746)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		273.148.148	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(27.500.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)	25		-	(105.476.160.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền do đơn vị bị thanh lý nắm giữ)	26		-	40.381.200.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.267.057.204	7.167.702.092
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(28.154.756.250)**	**(71.835.305.654)**

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	*Kỳ trước*
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		430.286.245.029	282.636.761.579
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(393.516.463.845)	(317.820.052.458)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.178.355.275)	(22.083.025.455)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**14.591.425.909**	**(57.266.316.334)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**(64.554.470.632)**	**(80.612.481.417)**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**134.829.130.872**	**153.678.497.587**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		229.687.674	670.927.948
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**4**	**70.504.347.914**	**73.736.944.118**

Phê duyệt, ngày 27 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP	KẾ TOÁN TRƯỞNG	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Nguyễn Thị Thu Nhàn	Nguyễn Thị Thu Nhàn	Ngô Văn Thụ

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần An Tiến Industries ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5200466372 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái (hiện nay là Sở Tài chính tỉnh Lào Cai) cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2009 và Giấy Chứng nhận Đầu tư số 7585338884 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Yên Bái cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2009. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh với lần điều chỉnh gần nhất của Giấy Chứng nhận Đầu tư là lần thứ 6 ngày 24 tháng 3 năm 2022 và của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp là lần thứ 18 ngày 13 tháng 8 năm 2025.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất và phân phối bột đá CaCO3, hạt nhựa và nhựa phụ gia; bán buôn bán lẻ nguyên vật liệu và các hoạt động khác theo đăng ký.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Phía Nam, phường Văn Phú, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là: 266 (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 245 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 3 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2025: 3 công ty con) với thông tin cụ thể như sau:

STT	*Tên công ty*	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Địa chỉ trụ sở chính*	*Hoạt động chính*
1	Công ty Cổ phần An Thành Bicsol ("Công ty An Thành")	99,65%	99,65%	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS...
2	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín ("Công ty An Tín")	99%	99%	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, xã Nam Sách, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và cung ứng dịch vụ Logistics
3	Công ty An Thành Bicsol Singapore PTE LTD ("Công ty An Thành Singapore")	100%	100%	Số 3 đường Temasek, tầng 21 tòa Centennial, Singapore	Kinh doanh hạt nhựa

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ*

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 10 Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đề ngày 27 tháng 8 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") tuân thủ và phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 *Kỳ báo cáo*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, ngoại trừ các thay đổi phát sinh từ việc áp dụng lần đầu Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99").

3.1.1 Thay đổi chính sách kế toán do áp dụng quy định kế toán mới theo Thông tư 99

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99, thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 99 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 99 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã trình bày lại dữ liệu tương ứng đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 99, như được trình bày tại Thuyết minh số 27.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền và không bị hạn chế sử dụng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty xác định số lượng và tính giá trị hàng xuất kho theo từng lần phát sinh. Giá trị hàng tồn kho đó được xác định như sau:

Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ	-	Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang	-	Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là khoản dự tính trước phần giá trị bị giảm xuống (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v...) thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho và nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác bị giảm giá. Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho khi có bằng chứng cho thấy giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá gốc của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn	*Mức trích lập dự phòng (% giá trị khoản phải thu)*
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70
Từ 3 năm trở lên	100

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình bao gồm những tài sản có hình thái vật chất do doanh nghiệp nắm giữ để sử dụng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản đó có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200465372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình đối với quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40 năm
Máy móc, thiết bị	4 - 12 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	5 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
Quyền sử dụng đất	49 năm
Tài sản cố định khác	3 - 30 năm

TSCĐ hữu hình được bắt đầu trích khấu hao ngay khi tài sản bắt đầu có khả năng sử dụng hữu ích. TSCĐ vô hình được bắt đầu trích khấu hao từ khi đưa vào sử dụng.

3.9 Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong kỳ trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay, ngoài lãi vay phải trả, như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn, chi phí thu xếp khoản vay,... được phân bổ dần theo thời hạn của khoản vay theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí chờ phân bổ dài hạn liên quan đến hoạt động kinh doanh trong nhiều kỳ kế toán để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn; và
- Các chi phí khác.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn một phần hoặc toàn bộ giá trị của khoản đầu tư (bao gồm cả các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu có) bị suy giảm giá trị hoặc không thu hồi được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả bao gồm khoản nợ phải trả của Công ty cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết và các khoản nợ phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ.

3.14 Các khoản chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế hoặc tỷ giá ghi sổ tùy theo nội dung và bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái tại ngày theo nguyên tắc sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được lựa chọn tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Trường hợp ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch không công bố tỷ giá của loại ngoại tệ mà Công ty phát sinh thì Công ty được lựa chọn một loại tiền tệ trung gian để quy đổi sang đơn vị tiền tệ trong kế toán của đơn vị nhưng phải áp dụng nhất quán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tỷ giá ghi sổ

Tỷ giá ghi sổ bao gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Việc áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hay tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền tùy theo đặc điểm và yêu cầu quản lý các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của Công ty.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh tương ứng với số cổ phiếu phát hành thành công. Phần chi phí phát hành cổ phiếu không thành công được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.17 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ này được trích lập để dự phòng tăng vốn cổ phần của Công ty trong tương lai.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.19 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong năm nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính.

3.20 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

3.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Công ty.

3.22 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.23 *Thông tin theo bộ phận*

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ đá, nhựa và sản phẩm có liên quan, trong khi doanh thu từ các hoạt động khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu. Do vậy Tổng Giám đốc giả định rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất gồm hoạt động sản xuất, hoạt động kinh doanh các sản phẩm từ đá, nhựa và các sản phẩm có liên quan.

Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản của Công ty là ở Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận chi tiết theo khu vực địa lý.

3.24 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.25 *Ước tính kế toán trọng yếu*

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Giám đốc đánh giá lá hợp lý. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp đang nắm giữ nhưng không bị hạn chế sử dụng		
Tiền mặt	79.466.040	9.128.472
Tiền gửi không kỳ hạn	17.852.881.874	134.820.002.400
- *Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Hải Dương*	*2.230.202.196*	*25.275.874.634*
- *Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương*	*503.279.065*	*93.442.503.475*
- *Các ngân hàng khác*	*15.119.400.613*	*16.101.624.291*
Các khoản tương đương tiền khác (*)	52.572.000.000	-
TỔNG CỘNG	**70.504.347.914**	**134.829.130.872**

(*) Bao gồm các khoản tiền gửi bằng USD tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Hải Dương có thời hạn 1 tháng và hưởng lãi suất 0%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ			*Số đầu kỳ*		
	Giá gốc	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá trị dự phòng*	*Giá gốc*	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá trị dự phòng*
Tiền gửi có kỳ hạn	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-	-	-
- *Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái (*)*	*2.500.000.000*	*2.500.000.000*	-	-	-	-
Cho vay *(Thuyết minh số 24)*	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-
Phải thu lãi cho vay *(Thuyết minh số 24)*	268.493.151	268.493.151	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	**27.768.493.151**	**27.768.493.151**	**-**	**-**	**-**	**-**

(*) Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc 6 tháng, hưởng lãi suất 7,5%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 16 tháng 12 năm 2026.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1. *Phải thu ngắn hạn của khách hàng*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		*Số đầu kỳ*	
	Giá trị ghi sổ	*Giá trị dự phòng*	*Giá trị ghi sổ*	*Giá trị dự phòng*
Phải thu từ các bên khác	268.585.592.795	(2.141.525.770)	159.436.070.733	(2.141.525.770)
- *Công ty New Trend Trading LLC*	*68.031.150.410*	-	*21.387.483.120*	-
- *Công ty Cổ phần Premier Outlet Việt Nam*	*20.374.432.000*	-	*5.447.915.820*	-
- *Công ty TNHH Konkan Speciality Polyproducts*	*19.103.087.640*	-	*15.240.859.767*	-
- *Công ty Petromall Industrial and Trading*	*4.468.330.854*	-	*14.139.862.095*	-
- *Các khoản phải thu khách hàng khác*	*156.608.591.891*	*(2.141.525.770)*	*103.219.949.931*	*(2.141.525.770)*
Phải thu từ các bên liên quan (*Thuyết minh số 24*)	7.742.088.277	-	6.780.498.696	-
TỔNG CỘNG	**276.327.681.072**	**(2.141.525.770)**	**166.216.569.429**	**(2.141.525.770)**

6.2. *Trả trước cho người bán ngắn hạn*

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Trả trước cho các bên khác	14.038.919.881	8.517.186.291
- *Công ty Cổ phần PTT Global Chemical PCL*	*7.178.308.560*	-
- *Công ty TNHH Rikevita (Singapore)*	*1.783.098.000*	-
- *Công ty Cổ phần sản xuất máy Công nghiệp Và Thương mại An Việt*	*1.670.662.000*	*1.049.732.000*
- *Công Ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế Máy Công Nghiệp Bình Minh*	*238.920.000*	*2.801.040.000*
- *TotalEnergies Corbion B.V*	-	*1.454.585.438*
- *Công ty TNHH Shanghai Shibang Machinery*	-	*1.003.257.000*
- *Các khoản trả trước khác*	*3.167.931.321*	*2.208.571.853*
Trả trước cho bên liên quan *(Thuyết minh số 24)*	1.707.538.560	-
TỔNG CỘNG	**15.746.458.441**	**8.517.186.291**

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

7. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		*Số đầu kỳ*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Hàng đi đường	-	-	6.954.823.200	-
Nguyên vật liệu	121.177.906.417	-	93.856.911.226	-
Công cụ, dụng cụ	10.593.500.561	-	7.880.631.826	-
Thành phẩm	39.110.592.635	(1.166.625.296)	20.776.286.961	(1.065.478.684)
Hàng gửi bán	-	-	11.253.167.802	-
TỔNG CỘNG	**170.881.999.613**	**(1.166.625.296)**	**140.721.821.015**	**(1.065.478.684)**

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Số đầu kỳ	1.065.478.684	1.012.389.278
Dự phòng trích lập trong kỳ	962.617.776	1.065.478.684
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(861.471.164)	(1.012.389.278)
Số cuối kỳ	1.166.625.296	1.065.478.684

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc, thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tài sản cố định khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Số đầu kỳ	149.692.543.235	273.833.525.539	29.321.327.112	5.529.867.637	4.224.584.546	462.601.848.069
- Mua trong kỳ	-	4.883.000.000	1.806.361.050	-	-	6.689.361.050
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.309.090.908)	-	-	(1.309.090.908)
Số cuối kỳ	149.692.543.235	278.716.525.539	29.818.597.254	5.529.867.637	4.224.584.546	467.982.118.211
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	*2.634.145.316*	*31.354.584.196*	*10.163.833.488*	*5.150.846.273*	*264.854.546*	*49.568.263.819*
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu kỳ	61.064.698.988	158.111.114.851	23.121.111.806	4.962.950.302	2.449.517.674	249.709.393.621
- Khấu hao trong kỳ	3.114.603.030	13.178.319.723	1.240.622.647	311.908.858	160.220.316	18.005.674.574
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.309.090.908)	-	-	(1.309.090.908)
Số cuối kỳ	64.179.302.018	171.289.434.574	23.052.643.545	5.274.859.160	2.609.737.990	266.405.977.287
Giá trị còn lại:						
Số đầu kỳ	88.627.844.247	115.722.410.688	6.200.215.306	566.917.335	1.775.066.872	212.892.454.448
Số cuối kỳ	85.513.241.217	107.427.090.965	6.765.953.709	255.008.477	1.614.846.556	201.576.140.924

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, một số tài sản cố định của Công ty với giá trị còn lại khoảng 19 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại *Thuyết minh số 16*.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)

Chi tiết các TSCĐ hữu hình đang hiện hữu:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ Nguyên giá	*Số đầu kỳ Nguyên giá*
TSCĐ hữu hình đang hiện hữu		
Nhà xưởng sản xuất bột đá	59.499.070.423	59.499.070.423
Các tài sản khác	408.483.047.788	403.102.777.646

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm máy tính*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Số đầu kỳ	15.926.986.836	321.660.000	16.248.646.836
Số cuối kỳ	15.926.986.836	321.660.000	16.248.646.836
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	*170.340.000*	*170.340.000*
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu kỳ	4.635.721.961	261.730.570	4.897.452.531
- Khấu hao trong kỳ	162.520.272	12.610.002	175.130.274
Số cuối kỳ	4.798.242.233	274.340.572	5.072.582.805
Giá trị còn lại:			
Số đầu kỳ	11.291.264.875	59.929.430	11.351.194.305
Số cuối kỳ	11.128.744.603	47.319.428	11.176.064.031

Chi tiết các TSCĐ vô hình đang hiện hữu:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ Nguyên giá	*Số đầu kỳ Nguyên giá*
TSCĐ vô hình đang hiện hữu		
Quyền sử dụng đất tại Yên Bái theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp	15.926.986.836	15.926.986.836
Các tài sản khác	321.660.000	321.660.000

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ				*Số đầu kỳ*			
	Tỷ lệ sở hữu	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị có thể thu hồi*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Giá gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị có thể thu hồi*
Đầu tư vào công ty con		**440.225.997.450**	**-**	**440.225.997.450**		**440.225.997.450**	**(37.664.930.288)**	**402.561.067.162**
Công ty An Tín	99%	156.950.000.000	-	156.950.000.000	99%	156.950.000.000	-	156.950.000.000
Công ty An Thành	99,65%	268.064.160.000	-	268.064.160.000	99,65%	268.064.160.000	(37.664.930.288)	230.399.229.712
Công ty An Thành Singapore	100%	15.211.837.450	-	15.211.837.450	100%	15.211.837.450	-	15.211.837.450
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết		**193.016.300.000**	**(120.372.636.236)**	**72.643.663.764**		**193.016.300.000**	**(118.810.333.304)**	**74.205.966.696**
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát	39,83%	178.203.800.000	(120.372.636.236)	57.831.163.764	39,83%	178.203.800.000	(118.810.333.304)	59.393.466.696
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát	16,67%	14.812.500.000	-	14.812.500.000	16,67%	14.812.500.000	-	14.812.500.000
TỔNG CỘNG		**633.242.297.450**	**(120.372.636.236)**	**512.869.661.214**		**633.242.297.450**	**(156.475.263.592)**	**476.767.033.858**

11. CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỔ DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.401.741.431	5.586.551.191
Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	732.080.156	1.052.054.244
TỔNG CỘNG	**8.133.821.587**	**6.638.605.435**

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

12.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		*Số đầu kỳ*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Phải trả cho các bên khác	135.562.697.341	135.562.697.341	76.992.248.529	76.992.248.529
- *Công ty Cổ phần Mascom Global*	*42.302.584.002*	*42.302.584.002*	*4.009.522.140*	*4.009.522.140*
- *Công ty Cổ phần Quốc Tế Khoáng Chất Công Nghiệp Việt Nam*	*21.191.848.354*	*21.191.848.354*	*14.462.730.222*	*14.462.730.222*
- *Phải trả đối tượng khác*	*72.068.264.985*	*72.068.264.985*	*58.519.996.167*	*58.519.996.167*
Phải trả cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 24)*	13.588.751.836	13.588.751.836	5.513.520.933	5.513.520.933
TỔNG CỘNG	**149.151.449.177**	**149.151.449.177**	**82.505.769.462**	**82.505.769.462**

12.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Người mua trả tiền trước		
- *Entrepreneur Parviz Ramiz Oglu Guliev*	3.385.667.130	-
- *R&C SH.P.K Company*	-	2.322.833.355
- *Công ty Petromall Industrial & Trade*	-	1.758.836.916
- *Đối tượng khác*	5.791.999.676	9.373.264.629
Các bên liên quan trả tiền trước *(Thuyết minh số 24)*	-	198.297.953
TỔNG CỘNG	**9.177.666.806**	**13.653.232.853**

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu kỳ	*Số phải nộp trong kỳ*	*Số đã nộp/cấn trừ trong kỳ*	*Số cuối kỳ*
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	18.920.939.100	(18.920.939.100)	-
Thuế thu nhập cá nhân	49.634.107	618.255.685	(631.730.607)	36.159.185
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.583.433.409	(2.583.433.409)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.319.272.976	16.843.605.914	(20.037.355.023)	11.125.523.867
Thuế khác	-	90.628.425	(90.628.425)	-
TỔNG CỘNG	**14.368.907.083**	**39.056.862.533**	**(42.264.086.564)**	**11.161.683.052**

	Số đầu kỳ	*Số phải thu trong kỳ*	*Số đã thu/cấn trừ trong kỳ*	*Số cuối kỳ*
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	41.901.455.105	52.826.311.337	(47.764.649.150)	46.963.117.292
TỔNG CỘNG	**41.901.455.105**	**52.826.311.337**	**(47.764.649.150)**	**46.963.117.292**

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Trích trước lương tháng 13	1.770.545.000	3.300.000.000
Lãi vay	142.116.264	253.743.222
Chi phí tiền điện	-	129.486.600
TỔNG CỘNG	**1.912.661.264**	**3.683.229.822**

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ (trình bày lại)*
Kinh phí công đoàn	35.730.309	76.971.659
Phí xuất hàng	1.170.663.418	991.379.751
Phải trả khác	357.828.287	439.973.198
TỔNG CỘNG	**1.564.222.014**	**1.508.324.608**
Trong đó:		
Phải trả ngắn hạn cho bên liên quan (Thuyết minh số 24)	*18.981.585*	*73.023.700*
Phải trả đối tượng khác	*1.545.240.429*	*1.435.300.908*

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

16. VAY

Đơn vị tính: VND

	Số đầu kỳ		*Số phát sinh trong kỳ*			*Số cuối kỳ*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Chênh lệch tỷ giá*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 16.1)*	112.632.093.669	112.632.093.669	430.286.245.029	(374.057.004.381)	(518.163.611)	168.343.170.706	168.343.170.706
Vay dài hạn tới hạn trả *(Thuyết minh số 16.2)*	38.918.918.928	38.918.918.928	19.459.459.464	(19.459.459.464)	-	38.918.918.928	38.918.918.928
TỔNG CỘNG	**151.551.012.597**	**151.551.012.597**	**449.745.704.493**	**(393.516.463.845)**	**(518.163.611)**	**207.262.089.634**	**207.262.089.634**
Vay dài hạn							
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 16.2)*	33.475.675.656	33.475.675.656	600.000.000	(19.459.459.464)	-	14.616.216.192	14.616.216.192
TỔNG CỘNG	**33.475.675.656**	**33.475.675.656**	**600.000.000**	**(19.459.459.464)**	**-**	**14.616.216.192**	**14.616.216.192**

16. VAY (tiếp theo)

16.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	*Số cuối kỳ (VND)*	*Nguyên tệ (USD)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	104.714.462.054	3.983.659	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	49.438.153.113	1.880.779	(*)
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	6.640.147.025	-	Tín chấp
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	7.550.408.514	287.241	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**168.343.170.706**	**6.151.679**	

Gốc vay đáo hạn từ ngày 1 tháng 8 năm 2026 đến ngày 25 tháng 12 năm 2026. Lãi vay được trả hàng tháng. Lãi suất từ 4,1% đến 7%/năm.

(*) Các tài sản sau được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn nêu trên:

- Máy móc, thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 51/2018/HĐĐB/NHCTKCNHD5 ngày 17 tháng 4 năm 2018.

16.2 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	*Số cuối kỳ (VND)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	53.535.135.120	(**)
TỔNG CỘNG	**53.535.135.120**	
Trong đó		
- Vay dài hạn đến hạn trả	*38.918.918.928*	
- Vay dài hạn	*13.016.216.192*	
- Chi phí đi vay	*1.600.000.000*	

Gốc vay đáo hạn lần cuối vào 15 tháng 11 năm 2027. Lãi vay được trả hàng tháng. Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 1 tháng + biên độ 3,825%/năm.

(**) Các tài sản sau được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng dài hạn nêu trên:

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Kỹ thuật Cao An Phát, một công ty con của cổ đông lớn, được quy định theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2093/2024/HĐTC ký ngày 07 tháng 11 năm 2024; và

- Bảo lãnh từ Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh, cổ đông lớn, với giá trị bảo lãnh là 87.600.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Quỹ đầu tư phát triển*	*Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025						
Số đầu kỳ	736.630.160.000	5.942.220.000	11.043.106.930	1.564.926.542	133.912.971.984	889.093.385.456
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	5.895.694.476	5.895.694.476
- Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(22.098.904.800)	(22.098.904.800)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(460.340.899)	(460.340.899)
Số cuối kỳ	736.630.160.000	5.942.220.000	11.043.106.930	1.564.926.542	117.249.420.761	872.429.834.233
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026						
Số đầu kỳ	736.630.160.000	5.942.220.000	11.043.106.930	1.564.926.542	135.637.751.777	890.818.165.249
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	74.848.351.051	74.848.351.051
- Chi trả cổ tức (*)	-	-	-	-	(22.098.904.800)	(22.098.904.800)
- Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác phục vụ công tác điều hành (*)	-	-	-	-	(5.099.645.356)	(5.099.645.356)
Số cuối kỳ	736.630.160.000	5.942.220.000	11.043.106.930	1.564.926.542	183.287.552.672	938.467.966.144

(*) Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2025 số tiền 22.098.904.800 VND, trích quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền là 3.642.603.824 VND và trích quỹ khác phục vụ công tác điều hành số tiền 1.457.041.532 VND theo Nghị quyết số 110502/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026 của Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Cổ phiếu đăng ký phát hành	**73.663.016**	**73.663.016**
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	**73.663.016**	**73.663.016**
Cổ phiếu phổ thông	73.663.016	73.663.016
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	**73.663.016**	**73.663.016**
Cổ phiếu phổ thông	73.663.016	73.663.016
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (Ngày 31 tháng 12 năm 2025: 10.000 VND/cổ phiếu).

17.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu kỳ	736.630.160.000	736.630.160.000
Số cuối kỳ	736.630.160.000	736.630.160.000

17.4 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Cổ tức đã công bố trong kỳ		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2025: 300 VND/cổ phiếu (2024: 300 VND/cổ phiếu)	22.098.904.800	22.098.904.800
Cổ tức, lợi nhuận đã trả trong kỳ		
Cổ tức trả bằng tiền	*22.178.355.275*	*22.083.025.455*

17.5 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Số đầu kỳ	5.092.867.867	8.212.960.588
Trích quỹ trong kỳ *(Thuyết minh số 17.1)*	5.099.645.356	460.340.899
Sử dụng quỹ trong kỳ	(3.666.354.008)	(1.703.860.520)
Số cuối kỳ	6.526.159.215	6.969.440.967

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

18. DOANH THU

18.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Tổng doanh thu	**792.664.634.532**	**469.168.066.535**
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	787.069.028.055	448.787.693.342
Doanh thu bán hàng hóa	4.947.567.588	19.595.873.193
Doanh thu dịch vụ	648.038.889	784.500.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	**792.664.634.532**	**469.168.066.535**
Trong đó:		
Doanh thu với bên liên quan (Thuyết minh số 24)	*62.541.069.151*	*64.032.003.257*
Doanh thu với bên khác	*730.123.565.381*	*405.136.063.278*

18.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Cổ tức được chia	6.940.000.000	27.568.770.000
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	595.550.355	1.377.702.092
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.502.508.942	8.229.743.037
TỔNG CỘNG	**12.038.059.297**	**37.176.215.129**

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Giá vốn bán thành phẩm	586.101.011.907	345.279.577.683
Giá vốn bán hàng hóa	3.579.550.977	15.774.738.839
TỔNG CỘNG	**589.680.562.884**	**361.054.316.522**

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Chi phí đi vay	6.473.119.938	5.833.899.185
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	562.518.533	157.957.708
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	729.000.000
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	(36.102.627.356)	42.566.420.468
Chi phí do các hoạt động đầu tư khác	-	764.220.000
TỔNG CỘNG	**(29.066.988.885)**	**50.051.497.361**

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	135.413.784.269	74.028.405.993
Chi phí nhân viên	2.268.542.425	2.024.569.941
Chi phí khấu hao tài sản cố định	469.212.968	480.079.860
Chi phí bán hàng khác	1.348.894.534	1.302.467.159
TỔNG CỘNG	**139.500.434.196**	**77.835.522.953**
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	3.836.595.150	3.528.261.753
Thuế, phí và lệ phí	2.269.838.769	1.811.602.653
Chi phí dịch vụ chuyên nghiệp	-	190.000.000
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.203.896.182	1.171.360.030
Chi phí quản lý khác	5.834.024.842	4.384.157.625
TỔNG CỘNG	**13.144.354.943**	**11.085.382.061**

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Chi phí nguyên vật liệu	507.973.975.659	292.977.078.863
Chi phí nhân công	25.390.287.617	20.647.153.973
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	18.180.804.848	15.132.836.155
Chi phí dịch vụ mua ngoài	189.172.338.562	104.342.372.890
Chi phí khác	5.109.532.232	6.594.748.507
TỔNG CỘNG	**745.826.938.918**	**439.694.190.388**

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.1 Chi phí thuế TNDN

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	16.843.605.914	834.611.847
TỔNG CỘNG	**16.843.605.914**	**834.611.847**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	91.691.956.965	6.730.306.323
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	18.338.391.393	1.346.061.265
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	*18.338.391.393*	*1.346.061.265*
Điều chỉnh cho các khoản:		
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(116.949.757)	(4.770.896)
Các khoản chi phí không được trừ khác	273.110.353	156.082.441
Dự phòng đầu tư tài chính	428.937.434	4.419.442.144
Các khoản điều chỉnh (giảm)/tăng khác	(691.883.509)	431.550.893
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh không chịu thuế TNDN	(1.388.000.000)	(5.513.754.000)
Chi phí thuế TNDN	**16.843.605.914**	**834.611.847**

23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch trọng yếu với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Công ty mẹ của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Cổ đông lớn
Công ty An Thành Bicsol Singapore PTE LTD	Công ty con
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	Công ty con
Công ty Cổ phần Liên vận An Tín	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty AFC EcoPlastics. LLC	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty TNHH An Trung Industries	Công ty con của Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát	Công ty liên kết
Công ty CP Khu CN Lương Điền Ngọc Liên	Công ty con của Cổ đông lớn

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200465372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các cá nhân là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được trình bày tại mục Thông tin chung.

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Kỳ này*	*Kỳ trước*
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Cổ đông lớn	Doanh thu bán hàng	38.598.112.248	40.321.043.248
		Mua hàng hóa, dịch vụ	13.348.260.997	52.829.501.277
		Mua tài sản cố định	-	6.559.000.000
		Tiền thu từ bán hàng	38.842.084.708	43.522.927.507
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	14.329.943.710	-
		Mua cổ phần	-	105.476.160.000
		Trả cổ tức	9.966.617.400	9.966.617.400
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Công ty mẹ của Cổ đông lớn	Chi phí dịch vụ	1.021.212.221	750.000.000
		Tiền chi trả mua dịch vụ	1.081.212.221	810.000.000
Công ty An Thành Bicsol	Công ty con	Doanh thu bán hàng	-	1.419.750.000
		Mua nguyên vật liệu	28.834.690.279	1.602.556.818
		Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	1.671.032.240
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	31.141.465.500	1.102.125.000
Công ty Liên vận An Tín	Công ty con	Mua dịch vụ	78.032.223.392	56.125.630.791
		Cổ tức được chia	5.940.000.000	23.760.000.000
		Cổ tức đã nhận	5.940.000.000	-
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	70.863.249.585	63.622.418.178
		Thu tiền từ cổ tức được chia	5.940.000.000	-
Công ty TNHH An Trung Industries	Công ty con của Cổ đông lớn	Doanh thu bán hàng	101.830.950	21.150.000
		Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	109.977.426	23.265.000

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Kỳ này*	*Kỳ trước*
Công ty An Thành Bicsol Singapore PTE LTD	Công ty con	Cổ tức được chia	-	3.808.770.000
		Mua hàng hóa và dịch vụ	4.025.944.704	-
		Tiền chi trả mua hàng hóa và dịch vụ	5.733.483.264	-
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh	Công ty con của Cổ đông lớn	Doanh thu bán hàng	4.925.195.000	5.461.720.000
		Mua hàng hóa, dịch vụ	1.589.057.780	1.258.821.255
		Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.359.053.500	6.007.892.000
		Tiền chi trả mua hàng hóa và dịch vụ	1.716.182.400	497.939.400
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và dịch vụ	161.879.000	31.878.480
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	172.890.720	81.521.640
		Cổ tức được chia	1.000.000.000	-
Công ty AFC EcoPlastics. LLC	Công ty con của Cổ đông lớn	Doanh thu bán hàng	18.609.767.953	16.703.340.009
		Tiền thu từ bán hàng	19.360.368.452	13.528.396.384

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Kỳ này*	*Kỳ trước*
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Công ty con của Cổ đông lớn	Doanh thu bán hàng	306.163.000	105.000.000
		Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	102.600.000	162.201.110
		Mua tài sản cố định	-	80.000.000
		Tiền thu từ bán hàng	236.459.520	115.500.000
		Tiền chi trả mua hàng và dịch vụ	110.808.000	257.132.200
Công ty CP Khu CN Lương Điền Ngọc Liên	Công ty con của cổ đông lớn	Cho vay	25.000.000.000	-
		Lãi cho vay	268.493.151	-
Ông Ngô Văn Thụ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Chi tạm ứng	-	100.000.000
		Nhận hoàn ứng	-	100.000.000
Ông Dương Huy Bình	Người phụ trách quản trị Công ty	Chi tạm ứng	-	18.000.000
		Nhận hoàn ứng	-	28.000.000

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả, tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 không cần bảo đảm, không có lãi suất (ngoại trừ các khoản đi vay và cho vay) và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty do các khoản này còn trong hạn thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối kỳ*	*Số đầu kỳ*
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn *(Thuyết minh số 5)*				
Công ty CP Khu CN Lương Điền Ngọc Liên (*)	Công ty con của Cổ đông lớn	Cho vay	25.000.000.000	-
		Lãi cho vay	268.493.151	-
TỔNG CỘNG			**25.268.493.151**	**-**

(*) Đây là khoản cho vay không có tài sản đảm bảo, kỳ hạn gốc 6 tháng, hưởng lãi suất 8%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 10 tháng 11 năm 2026.

Phải thu ngắn hạn của khách hàng *(Thuyết minh số 6.1)*				
Công ty AFC EcoPlastics. LLC	Công ty con của Cổ đông lớn	Bán hàng hóa	5.002.313.190	5.740.655.796
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Cổ đông lớn	Bán hàng hóa	2.645.578.567	-
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Công ty con của Cổ đông lớn	Bán hàng hóa	94.196.520	-
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì An Vinh	Công ty con của Cổ đông lớn	Bán hàng hóa	-	1.039.842.900
TỔNG CỘNG			**7.742.088.277**	**6.780.498.696**

Trả trước cho người bán ngắn hạn *(Thuyết minh số 6.2)*				
Công ty An Thành Bicsol Singapore PTE LTD	Công ty con	Mua hàng hóa	1.707.538.560	-
TỔNG CỘNG			**1.707.538.560**	**-**

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối kỳ*	*Số đầu kỳ*
Phải trả người bán ngắn hạn *(Thuyết minh số 12.1)*				
Công ty Liên vận An Tín	Công ty con	Mua dịch vụ	13.222.009.227	5.267.004.885
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Cổ đông lớn	Mua hàng hóa, dịch vụ	335.281.129	216.993.168
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn Công nghiệp An Phát	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	31.461.480	29.522.880
TỔNG CỘNG			**13.588.751.836**	**5.513.520.933**
Người mua trả tiền trước ngắn hạn *(Thuyết minh số 12.2)*				
Công ty Cổ phần nhựa An Phát Xanh	Cổ đông lớn	Phải trả khác	-	198.297.953
TỔNG CỘNG			**-**	**198.297.953**
Phải trả ngắn hạn khác *(Thuyết minh số 15)*				
Công ty Liên vận An Tín	Công ty con	Phải trả khác	18.981.585	73.023.700
TỔNG CỘNG			**18.981.585**	**73.023.700**

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ:

Đơn vị tính: VND

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm /miễn nhiệm*	*Thu nhập*	
			Kỳ này	*Kỳ trước*
Ông Ngô Văn Thụ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc		787.953.846	546.592.307
Ông Nguyễn Trung Kiên	Chủ tịch		60.000.000	60.000.000
Ông Đinh Trọng Đức	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025	-	20.000.000
Ông Hoàng Văn Vinh	Thành viên HĐQT		273.518.461	144.297.116
TỔNG CỘNG			**1.121.472.307**	**770.889.423**

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	*Kỳ trước*
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát	42.000.000	42.000.000

25. CÁC CAM KẾT

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty thuê đất, văn phòng, nhà máy và phương tiện vận tải theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Đến 1 năm	4.190.096.001	3.624.896.001
Từ 1 đến 5 năm	2.968.647.488	4.453.181.276
Trên 5 năm	2.582.910.113	2.628.224.325
TỔNG CỘNG	**9.741.653.602**	**10.706.301.602**

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

	Số cuối kỳ	*Số đầu kỳ*
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	2.520.637,86	3.870.111,00
Euro (EUR)	38.181,82	64.662,00
Rúp Nga (RUB)	1.133.376,36	105.705,00

27. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG THEO HƯỚNG DẪN CỦA THÔNG TƯ 99

Một số dữ liệu tương ứng của báo cáo tài chính đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 99 do lần đầu áp dụng (Thuyết minh số 3.1) trong kỳ hiện tại. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số đầu kỳ (đã được trình bày trước đây)	*Trình bày lại*	*Số đầu kỳ (được trình bày lại)*
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ			
Phải trả về cổ tức, lợi nhuận	-	251.724.345	251.724.345
Phải trả ngắn hạn khác	1.760.048.953	(251.724.345)	1.508.324.608

	Kỳ trước (đã được trình bày trước đây)	*Trình bày lại*	*Kỳ trước (được trình bày lại)*
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ			
Chi phí đi vay	5.233.899.185	600.000.000	5.833.899.185

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán riêng giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Phê duyệt, ngày 27 tháng 8 năm 2026

NGƯỜI LẬP	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
Nguyễn Thị Thu Nhàn	Nguyễn Thị Thu Nhàn	Ngô Văn Thụ

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200466372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0

EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2026 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn

CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES
DN: C=VN, S=Lào Cai, L=Thành phố Yên Bái, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN AN TIẾN INDUSTRIES, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5200465372
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.08.28 10:30:03+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.1.0